

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

D12- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục		Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm		-		42,530,450	340,472,400	383,002,850
Mua trong kỳ		-		-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		-		-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh		-		-	-	-
Tăng khác		-		-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-		-	-	-
Giảm khác		-		-	(19,000,000)	(19,000,000)
Số dư cuối Quý IV/2012		-		42,530,450	321,472,400	364,002,850
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		-		38,986,232	200,437,858	239,424,090
Khấu hao trong kỳ		-		3,544,218	38,025,707	41,569,925
Tăng khác		-		-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-		-	-	-
Giảm khác		-		-	(17,350,684)	(17,350,684)
Số dư cuối Quý IV/2012		-		42,530,450	221,112,881	263,643,331
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
Tại ngày đầu năm		-		3,544,218	140,034,542	143,578,760
Số dư cuối Quý IV/2012		-		-	100,359,519	100,359,519

Đơn vị tính: đ

Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN NGỌC KIÊN
Ngày ký: 22.07.2013 15:02

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Tầng 4, Tòa nhà Đại Phát, Ngõ 82, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ hoạt động quý II năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo
4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

D26- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XDCB	Cộng
Đơn vị tính: đ												
Số dư đầu năm trước	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,660,407,595	12,125,725,514	-	379,519,100,358
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40,859,130,107)	-	(40,859,130,107)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	182,218,182	-	-	182,218,182
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2,019,142,683)	-	(2,019,142,683)
Số dư đầu năm nay	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,842,625,777	(30,752,547,276)	-	336,823,045,750
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(18,468,947,974)	-	(18,468,947,974)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,320,888,326	-	2,320,888,326
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2,348,057,361)	-	(2,348,057,361)
Số dư cuối Quý IV/2012	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,842,625,777	(49,248,664,285)	-	318,326,928,741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

	30/06/2013	01/01/2013
b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Vinaconex	192,800,000,000	192,800,000,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	167,200,000,000	167,200,000,000
Cộng	360,000,000,000	360,000,000,000
Tỷ lệ vốn góp của Vinaconex		
- Theo vốn thực góp	53.56%	53.56%
- Theo giấy phép	53.56%	53.56%
kỳ:	-	-
* Số lượng cổ phiếu quỹ:	760,000	760,000
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<i>Luỹ kế quý II năm 2013</i>	<i>Luỹ kế quý II năm 2012</i>
+ Vốn góp đầu năm	370,996,500,000	370,996,500,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	370,996,500,000	370,996,500,000
- Cổ tức đã chia	-	-
- Cổ tức đã chia bằng tiền	-	-
d- Cổ tức	<i>Luỹ kế quý II năm 2013</i>	<i>Luỹ kế quý II năm 2012</i>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-
đ- Cổ phiếu	<i>Luỹ kế quý II năm 2013</i>	<i>Luỹ kế quý II năm 2012</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36,000,000	36,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	760,000	760,000
+ Cổ phiếu phổ thông		-
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35,240,000	35,240,000
+ Cổ phiếu phổ thông		-
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
e- Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển	% LN	
- Quỹ dự phòng tài chính	% LN	
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	% LN	

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KQKD (tiếp theo)

D29- Doanh thu	Đơn vị tính: đ	
	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Doanh thu bán hàng	(96,937,273)	(816,720,000)
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,858,392,794	8,342,226,262
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		-
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	-	-
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		1,887,842,319
Cộng	6,761,455,521	9,413,348,581

D30- Các khoản giảm trừ doanh thu	Đơn vị tính: đ	
	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	43,983,927	3,554,545
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
Cộng	43,983,927	3,554,545

D31- Giá vốn hàng bán	Đơn vị tính: đ	
	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	(96,937,273)	53,207,199
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	89,586,369
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5,896,932,303	8,459,424,191
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS	-	-
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	5,799,995,030	8,602,217,759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KQKD (tiếp theo)

D32- Doanh thu hoạt động tài chính	Đơn vị tính: đ	
	Luỹ kế quý II năm 2013	Luỹ kế quý II năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68,858,083	154,527,583
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	131,000	252,444,500
- Lãi bán chứng khoán	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	385,462	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	69,374,545	406,972,083

D33- Chi phí hoạt động tài chính	Đơn vị tính: đ	
	Luỹ kế quý II năm 2013	Luỹ kế quý II năm 2012
- Lãi tiền vay	11,001,826,988	50,655,555
- Chi phí mua bán chứng khoán	-	11,863,676,834
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(15,054,779,518)
- Chi phí tài chính khác	1,525,444,815	776,291,606
Cộng	12,527,271,803	(2,364,155,523)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KQKD (tiếp theo)

D34- Chi phí bán hàng	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Chi phí nhân viên	697,253,120	1,175,126,004
- Chi phí nguyên vật liệu	-	27,417,614
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29,886,576	29,575,326
- Chi phí bảo hành nhà chung cư	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20,168,354	-
- Chi phí bằng tiền khác	291,119,790	1,349,181,243
Cộng	1,038,427,840	2,581,300,187
D35- Chi phí quản lý	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Chi phí nhân viên	2,366,508,353	2,437,555,453
- Chi phí nguyên vật liệu	-	20,221,211
- Chi phí đồ dùng văn phòng	17,159,743	78,975,035
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	449,966,037	408,278,671
- Thuế, phí và lệ phí	4,000,000	1,000,000
- Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	-	-
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,810,825,548	3,934,923,924
- Chi phí bằng tiền khác	576,006,208	726,697,979
Cộng	6,224,465,889	7,607,652,273
D36- Thu nhập khác	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	964,547,667	-
- Giá trị công trình được cắt giảm theo quyết toán do	-	-
- Thu nhập công nợ không đối tượng	-	-
- Thu nhập khác	1,247,000	434,032,996
Cộng	965,794,667	434,032,996
D37- Chi phí khác	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
- Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	510,782,314	-
- Xử lý hàng tồn kho	-	-
- Chi phí khác	5,500,000	(21,953,242)
Cộng	516,282,314	(21,953,242)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (tiếp theo)

3. Doanh thu theo ngành

Đơn vị tính: đ

	Lũy kế Quý II/2013	Tỷ trọng	Lũy kế Quý II/2012	Tỷ trọng
<u>Doanh thu thuần</u>				
- Xây lắp	-	0	-	0.00%
- Bất động sản	-	0.00%	(816,720,000)	-8.68%
- Sản xuất công nghiệp	-	0	-	0.00%
- Tư vấn	-	0	-	0.00%
- Xuất nhập khẩu máy móc	-	0	-	0.00%
- Xuất khẩu lao động	-	0	-	0.00%
- Doanh thu khác	6,717,471,594	100.00%	10,230,068,581	108.68%
Tổng doanh thu thuần	6,717,471,594		9,413,348,581	
<u>Giá vốn hàng bán</u>				
- Xây lắp	-	0.00%	-	0.00%
- Bất động sản	-	0.00%	(196,395,867)	-2.28%
- Sản xuất công nghiệp	-	0.00%	-	0.00%
- Tư vấn	-	0.00%	-	0.00%
- Xuất nhập khẩu máy móc	-	0.00%	-	0.00%
- Xuất khẩu lao động	-	0.00%	-	0.00%
- Doanh thu khác	5,799,995,030	100.00%	8,798,613,626	102.28%
Tổng giá vốn hàng bán	5,799,995,030		8,602,217,759	
<u>Lãi gộp</u>				
- Xây lắp	-	0.00%	-	0.00%
- Bất động sản	-	0.00%	(620,324,133)	-76.48%
- Sản xuất công nghiệp	-	0.00%	-	0.00%
- Tư vấn	-	0.00%	-	0.00%
- Xuất nhập khẩu máy móc	-	0.00%	-	0.00%
- Xuất khẩu lao động	-	0.00%	-	0.00%
- Doanh thu khác	917,476,564	100.00%	1,431,454,955	176.48%
Tổng lãi gộp	917,476,564		811,130,822	
<u>Tỷ suất lợi nhuận</u>				
- Xây lắp	-		-	
- Bất động sản	0%		-76%	
- Sản xuất công nghiệp	-		-	
- Tư vấn	-		-	
- Xuất nhập khẩu máy móc	-		-	
- Xuất khẩu lao động	-		-	
- Doanh thu khác	14%		14%	
Tổng tỷ suất lợi nhuận	14%		-62%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (tiếp theo)

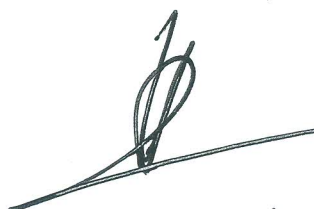
4- Chỉ số tài chính và hoạt động

	Đơn vị tính	Lũy kế quý II năm 2013	Lũy kế quý II năm 2012
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67.5%	59.60
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32.5%	40.40
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64%	53.00
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36%	47.00
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1.52	1.55
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.07	0.26
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.01	0.02
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	-271%	54.40
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	-273.2%	56.40
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	-2.2%	0.30
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-2.1%	0.30
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	-3.5%	0.60

Ngày 15 tháng 7 năm 2013



Người lập biểu
Nguyễn Quang Lưu



Kế toán trưởng
Lê Văn Huy



Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Thành

